

**CÔNG TY TNHH DƯƠNG GIANG SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯƠNG GIANG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUONG GIANG SON COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DUONG GIANG SON CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110472615

**3. Ngày thành lập:** 11/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 58 đường Cao Trung 3, thôn Cao Trung, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0364750005

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                        | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                               | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                               | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                          | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa | 4610        |
| 6.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                               | 4631        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                           | 4632(Chính) |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                      | 4663        |
| 9.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                | 9610        |
| 10. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                               | 9620        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ<br>Trừ tư vấn kết hôn với người nước ngoài                                                  | 9633        |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất                                                   | 7410        |
| 13. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                | 3100        |
| 14. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                       | 3311        |
| 15. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                       | 3314        |
| 16. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                      | 3320        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                            | 4101        |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                      | 4102        |

|     |                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                 | 4211 |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                  | 4212 |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                      | 4221 |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                           | 4222 |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                            | 4223 |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                             | 4229 |
| 25. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                      | 4291 |
| 26. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                               | 4292 |
| 27. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                         | 4293 |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4299 |
| 29. | Phá dỡ<br>Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phó bom, mìn                                                                                             | 4311 |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phó bom, mìn                                                                                  | 4312 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                         | 4321 |
| 32. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4761 |
| 33. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi được làm từ mọi chất liệu.                                 | 4764 |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dầu hoả, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 19.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: BÙI VĂN HOAN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/10/1980

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 113612502

Ngày cấp: 08/03/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: Thôn La Văn Cầu, Xã Thượng Cốc, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn La Văn Cầu, Xã Thượng Cốc, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: BÙI VĂN HOAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1980

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 113612502

Ngày cấp: 08/03/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: Thôn La Văn Cầu, Xã Thượng Cốc, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn La Văn Cầu, Xã Thượng Cốc, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội